

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh

1. **Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM**

- Mã chứng khoán: VFG
- Trụ sở chính: 29 Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, TP. HCM
- Điện thoại: 028. 3822 8097 Fax: 028. 3829 0457
- E-mail: Info@vfc.com.vn

2. **Nội dung thông tin công bố:**

Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2026 (BCTC Riêng & BCTC Hợp nhất)

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 21/07/2026 tại đường dẫn www.vfc.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN



**TRẦN VĂN DŨNG
TỔNG GIÁM ĐỐC**



CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM
Cao ốc VFC Tower, 29 Tôn Đức Thắng, P.Sài Gòn, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán quý 2 từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/06/2026





CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM
Cao ốc VFC Tower, 29 Tôn Đức Thắng, P.Sài Gòn, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán quý 2 từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/06/2026

Gồm có:

- 01- Báo cáo tình hình tài chính*
- 02- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*
- 03- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ*
- 04- Thuyết minh báo cáo tài chính*

11/01/2026

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG
VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON**
Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2026

Mẫu số B 01 – DN/HN

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán Quý 2 từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã Số	Thuyết Minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2,712,640,557,398	2,149,025,236,955
I. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	110	V.1	179,382,401,517	653,313,311,764
1. Tiền	111		179,382,401,517	653,313,311,764
II. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN	120	V.02	482,290,983,466	87,814,956,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		99,476,027,466	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		382,814,956,000	87,814,956,000
III. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN	130		873,094,551,869	544,631,761,862
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	878,403,850,403	544,338,135,994
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		7,457,105,184	5,679,365,052
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.4	4,615,555,567	7,747,065,613
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.5	(17,381,959,285)	(13,132,804,797)
IV. HÀNG TỒN KHO	140		1,175,878,338,069	860,073,634,753
1. Hàng tồn kho	141	V.6	1,178,704,696,474	862,963,721,886
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142		(2,826,358,405)	(2,890,087,133)
VI. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	160		1,994,282,477	3,191,572,576
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.11	1,654,430,508	2,851,817,698
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		339,851,969	339,754,878
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		263,882,513,458	270,878,712,649
I. PHẢI THU DÀI HẠN	210		2,552,982,086	2,535,259,921
5. Phải thu dài hạn khác	215		2,552,982,086	2,535,259,921
II. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	220		230,779,697,760	231,598,020,544
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	179,487,644,805	179,553,135,848
- Nguyên giá	222		548,446,433,601	538,506,362,773
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(368,958,788,796)	(358,953,226,925)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	51,292,052,955	52,044,884,696
- Nguyên giá	228		71,622,280,879	72,901,484,048
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(20,330,227,924)	(20,856,599,352)
IV. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ	240	V.10	12,961,430,341	13,341,432,967
- Nguyên giá	241		27,647,980,011	27,647,980,011
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(14,686,549,670)	(14,306,547,044)
V. TÀI SẢN DỒI DANG DÀI HẠN	250		4,596,577,525	3,869,264,303
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.7	4,596,577,525	3,869,264,303
VII. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC	270		12,991,825,746	19,534,734,914
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.11	12,991,825,746	9,534,734,914
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		-	10,000,000,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		2,976,523,070,856	2,419,903,949,604

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG
VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2026

NGUỒN VỐN	MS	TM	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
1	2	3	4	5
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1,225,037,645,945	705,168,526,211
I. NỢ NGẮN HẠN	310		1,209,311,344,061	689,408,803,914
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	823,177,029,169	252,162,513,743
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7,755,577,292	14,227,336,834
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	V.14	10,768,806,500	9,260,787,500
4. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước ngắn hạn	314	V.15	46,597,565,215	70,912,304,126
5. Phải trả người lao động	315		116,839,813,706	145,365,295,819
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.16	37,881,112,799	31,497,429,057
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		467,798,560	366,495,360
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.17	14,727,355,233	12,264,976,928
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.12	89,082,333,481	87,449,061,000
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		62,013,952,106	65,902,603,547
II. NỢ DÀI HẠN	330		15,726,301,884	15,759,722,297
8. Phải trả dài hạn khác	338	V.17	2,024,032,578	1,518,582,885
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		13,702,269,306	14,241,139,412
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,751,485,424,911	1,714,735,423,393
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.18	417,146,140,000	417,146,140,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		417,146,140,000	417,146,140,000
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình (*)	415	V.18	(20,000,000)	(20,000,000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.18	183,588,794,776	215,462,343,942
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.18	57,318,886,021	24,346,814,721
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1,044,882,404,865	1,006,276,590,520
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	4200		873,794,206,897	678,506,497,779
- LNST chưa phân phối kỳ này	4201		171,088,197,968	327,770,092,741
8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		48,569,199,249	51,523,534,210
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2,976,523,070,856	2,419,903,949,604

NGƯỜI LẬP BIỂU / KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)



Phạm Thị Ngọc Phương

Lập, ngày 21 tháng 07 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Trần Văn Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG
VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON
Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2026

Mẫu số B 02 – DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán Quý 2 từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/06/2026

DVT: VNĐ

Diễn giải	MS	TM	Kỳ này	Kỳ trước	Lũy kế kỳ này	Lũy kế kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	01	VI.1	973,194,336,719	822,894,822,561	2,125,622,599,533	1,921,716,266,068
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	37,556,051,151	22,978,091,000	70,738,528,372	56,145,873,000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		935,638,285,568	799,916,731,561	2,054,884,071,161	1,865,570,393,068
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	676,354,573,629	597,644,756,512	1,527,139,199,752	1,397,723,637,591
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		259,283,711,939	202,271,975,049	527,744,871,409	467,846,755,477
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.4	26,904,266,818	19,091,528,566	41,697,087,978	37,644,541,276
8. Chi phí tài chính	23	VI.5	14,051,413,507	9,216,026,167	28,474,938,016	15,967,287,312
- Trong đó: Chi phí lãi vay	24		1,244,712,057	1,003,051,251	1,293,827,283	2,515,569,134
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	146,636,033,943	98,874,663,696	262,693,475,042	224,864,927,706
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	30,532,286,237	25,006,065,684	61,153,374,831	57,165,839,312
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	30		94,968,245,070	88,266,748,068	217,120,171,499	207,493,242,423
12. Thu nhập khác	31		614,164,282	2,641,063,993	2,630,419,289	3,200,176,663
13. Chi phí khác	32		707,078,110	2,273,773,303	2,036,358,258	2,938,401,239
14. Lợi nhuận khác	40		(92,913,828)	367,290,690	594,061,030	261,775,424
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		94,875,331,242	88,634,038,758	217,714,232,530	207,755,017,847
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	9,406,669,887	5,718,318,706	34,498,962,187	29,944,907,504
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		9,730,564,947	12,569,828,105	9,461,129,894	12,300,393,052
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		75,738,096,409	70,345,891,947	173,754,140,449	165,509,717,291
18.1. Phần thuộc cổ đông Cty Mẹ			74,692,710,169	69,421,194,183	171,088,197,968	163,709,294,051
18.2. Lợi ích cổ đông không kiểm soát			1,045,386,240	924,697,764	2,665,942,481	1,800,423,241
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1,752	1,375	4,102	3,656

NGƯỜI LẬP BIỂU / KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)


Phạm Thị Ngọc Phương

Lập, ngày 21 tháng 07 năm 2026
TỔNG GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Trần Văn Dũng

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG
VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2026

Mẫu số B 03 - DN/HN

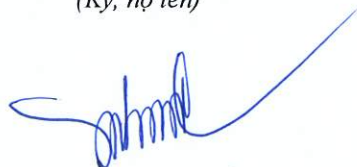
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2026	Năm 2025
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	217,714,232,530	207,755,017,847
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	13,190,463,613	13,924,687,590
Các khoản dự phòng	03	4,185,425,760	(4,333,658,060)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	152,508,725	764,069,322
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(26,191,645,197)	(15,623,990,163)
Chi phí lãi vay	06	1,293,827,283	2,515,569,134
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	210,344,812,714	205,001,695,670
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(318,567,153,101)	(110,201,030,023)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(315,740,974,588)	(184,191,862,211)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	538,132,975,436	200,483,740,147
Tăng giảm chi phí trả trước	12	7,740,296,358	(783,250,934)
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	(99,476,027,466)	
Tiền lãi vay đã trả	14	(1,269,784,750)	(2,271,476,494)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(56,890,558,361)	(74,731,990,260)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	131,473,000	222,799,154
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(7,531,523,409)	(13,506,537,854)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(43,126,464,167)	20,022,087,195
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản DH	21	(13,061,688,260)	(2,433,690,630)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản DH	22	68,724,547	1,072,727,271
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(432,000,000,000)	(418,500,000,000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của ĐV khác	24	137,000,000,000	74,000,000,000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	14,162,610,650	5,904,687,550
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(293,830,353,063)	(339,956,275,809)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	89,082,333,481	97,483,000,000
Tiền trả nợ gốc vay	34	(87,449,061,000)	(166,839,636,896)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(138,629,823,000)	(168,839,764,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(136,996,550,519)	(238,196,400,896)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50	(473,953,367,749)	(558,130,589,510)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	653,313,311,764	800,792,811,413
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	22,457,502	11,357,090
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	179,382,401,517	242,673,578,993

NGƯỜI LẬP BIỂU / KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)



Phạm Thị Ngọc Phương

Lập, ngày 21 tháng 07 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Trần Văn Dũng

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG
VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2026

Mẫu số B 09a – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Vào ngày 03 tháng 5 năm 2001, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 70/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, Công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0302327629 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2001, đăng ký thay đổi lần thứ 32 (lần gần nhất) ngày 31 tháng 7 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) với mã giao dịch là VFG theo Quyết định số 157/QĐ-SGDHCM do HOSE cấp ngày 11 tháng 12 năm 2009.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 29 Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam (trước đây là Số 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam) và Nhà máy được đặt tại Lô B, Số 107, Khu công nghiệp Thái Hòa, Ấp Tân Hòa, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam (trước đây là Lô B, Số 107, Khu công nghiệp Thái Hòa, Ấp Tân Lập, Xã Đức Lập, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An, Việt Nam).

Tổng số nhân viên của Công ty và công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 là 1.511 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: 1.539 người).

Hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty và công ty con là sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm từ thuốc khử trùng, nông dược; cung cấp dịch vụ liên quan đến khử trùng, dịch vụ cho thuê văn phòng và dịch vụ khách sạn.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 và ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 1 công ty con và 8 chi nhánh.

Thông tin về công ty con như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ		Hoạt động chính
		Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	
Công ty TNHH Hải Yến	Khánh Hòa	66,67	66,67	66,67	66,67	Cung cấp dịch vụ khách sạn, nhà hàng

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG
VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2026

Thông tin về các chi nhánh như sau:

STT	Tên	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại phía Bắc	Hà Nội
2	Chi nhánh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại Đà Nẵng	Đà Nẵng
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại Quy Nhơn	Gia Lai (trước đây là Quy Nhơn)
4	Chi nhánh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại Nha Trang	Nha Trang
5	Chi nhánh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh
6	Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam - chi nhánh Nam Sông Hậu	Cần Thơ
7	Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam - chi nhánh Bắc Sông Hậu	An Giang
8	Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam - chi nhánh Đức Hòa Long	Tây Ninh (trước đây là Long An)

Hoạt động kinh doanh chính của các chi nhánh là cung cấp dịch vụ khử trùng, diệt sinh vật gây hại nông lâm sản và các vật thể khác.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính Hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025.

Trình bày lại số liệu cho mục đích so sánh khi áp dụng thông tư kế toán mới

Khoản mục	Số đầu kỳ (đã báo cáo)	Trình bày lại	Số đầu kỳ (đã trình bày lại)
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	-	9.260.787.500	9.260.787.500
Phải trả ngắn hạn khác	21.525.764.428	(9.260.787.500)	12.264.976.928

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2/2026 VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2/2026

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2/2026 kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2/2026.

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2/2026 được lập trên cơ sở hợp nhất số liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của công ty con của Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2/2026 kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2 được lập cho kỳ hoạt động từ 01 tháng 04 năm 2026 và kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ ĐƯỢC BAN HÀNH

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG
VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2026

cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các văn bản như sau:

Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (trừ các nội dung liên quan đến kế toán cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước),

Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư 200,

Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 200, và

Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2/2026:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2/2026 tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2/2026 yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2/2026 cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho kỳ hoạt động Quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 2/2026 từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính Quý 2/2026 của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty và công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính Quý 2/2026.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG
VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2026

thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ hoạt động phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn (kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty và công ty con có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi có kỳ hạn.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 2/2026 trên cơ sở dự thu.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty và công ty con được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

-Đối với hàng hóa, nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ: giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

-Đối với chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang và Sản phẩm: giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập với tỷ lệ 100% cho hàng đã hết hạn sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG
VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2026

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 05
Khác	03 - 06

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 2/2026.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 2/2026 theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	Số năm
Quyền sử dụng đất	20 - 50
Phần mềm máy tính	03 - 05

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG
VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2026

về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm:

- Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn, do đó, không trích khấu hao; và
- Nhà cửa, vật kiến trúc được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 17 đến 25 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, bao gồm thuê văn phòng, phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa, cải tạo, công cụ, dụng cụ xuất dùng và các khoản trả trước khác.

Tiền thuê văn phòng và phí bảo hiểm thể hiện số tiền thuê văn phòng và phí bảo hiểm đã được trả trước. Tiền thuê văn phòng và phí bảo hiểm trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 2/2026 theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê và thời gian được bảo hiểm.

Chi phí sửa chữa, cải tạo, công cụ, dụng cụ xuất dùng và các khoản trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 2/2026, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước liên quan đến một hay nhiều kỳ kế toán cho dịch vụ chưa được cung cấp hoặc chuyển giao. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG
VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2026

- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi, tiền cho vay

Lãi tiền gửi, tiền cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ báo cáo nhưng đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, Công ty ghi giảm doanh thu ghi nhận trong kỳ nếu các khoản giảm trừ doanh thu này phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2/2026.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ hoạt động được chuyển đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình (là trung bình cộng giữa tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản) của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (là ngân hàng thương mại mà doanh nghiệp có tần suất hoặc giá trị giao dịch nhiều hơn so với bên khác) tại ngày thay đổi đơn vị tiền tệ trong kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 2-2026.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 2/2026 vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2/2026 và được ghi nhận theo phương pháp Báo cáo tình hình tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG
VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2026

Quý 2/2026 và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty và công ty con có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty và công ty con căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**II. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH
TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

ĐVT: VNĐ

1. Tiền	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Tiền mặt	8,639,738,882	10,500,148,256
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	170,542,662,635	642,813,163,508
- Các khoản tương đương tiền	200,000,000	-
Cộng	179,382,401,517	653,313,311,764
2. Phải thu của khách hàng	Cuối kỳ	Đầu kỳ
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	878,403,850,403	544,338,135,994
- Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng không có		
b) Dự phòng nợ phải thu khó đòi		
Số đầu năm	13,132,804,797	18,290,131,866
+ Lũy kế phát sinh tăng trong năm	13,930,669,543	12,236,576,483
+ Lũy kế phát sinh giảm trong năm	9,681,515,055	17,393,903,552
Số dư cuối	17,381,959,285	13,132,804,797
3. Phải thu khác	Cuối kỳ	Đầu kỳ
a) Ngắn hạn		
- Phải thu về khách hàng liên quan tiền đất	1,500,000,000	1,500,000,000
- Tạm ứng	2,663,789,319	3,704,448,947
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	287,330,185	262,305,600
- Phải thu khác	164,436,063	2,280,311,066
Cộng	4,615,555,567	7,747,065,613
b) Dài hạn		
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	2,552,982,086	2,535,259,921
Cộng	2,552,982,086	2,535,259,921

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG
VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2026

4. Nợ phải thu quá hạn

Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.	2,563,659,583	4,773,115,183
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.	3,500,889,805	1,625,453,477
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.	1,601,894,015	5,013,145,362
Dự phòng nợ phải thu từ 3 năm trở lên.	9,715,515,882	1,721,090,775
Cộng	17,381,959,285	13,132,804,797

Tại ngày báo cáo, các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã được trích lập dự phòng đầy đủ

5. Hàng tồn kho:

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Hàng đang đi trên đường;	44,669,358,340	11,868,144,075
- Nguyên liệu, vật liệu;	158,565,324,538	197,783,865,740
- Công cụ, dụng cụ;	3,619,833,062	2,952,476,341
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang;	7,860,544,912	5,849,994,829
- Sản phẩm	63,725,264,651	43,116,751,476
- Hàng hóa;	900,264,370,971	601,392,489,425
Cộng	1,178,704,696,474	862,963,721,886

Dự phòng hàng tồn kho

Số đầu năm	(2,890,087,133)	(6,316,145,356)
+ Lũy kế phát sinh tăng trong năm	(177,893,859)	(1,433,262,843)
+ Lũy kế phát sinh giảm trong năm	241,622,587	4,859,321,066
Số dư cuối năm	(2,826,358,405)	(2,890,087,133)

6. Tài sản dở dang dài hạn

Xây dựng cơ bản dở dang

Dự án xây dựng trại thí nghiệm	494,175,097	231,892,875
Dự án xây dựng ứng dụng quản lý bán hàng và Marketing	3,917,371,428	3,637,371,428

Mua sắm tài sản cố định

+ Sửa chữa Tòa nhà VFC Tower	185,031,000	-
Cộng	4,596,577,525	3,869,264,303

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Phụ lục 1 trang 19

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư Đầu kỳ	65,750,630,035	7,150,854,013	72,901,484,048
- Mua trong năm	-	194,444,444	194,444,444
- Thanh lý, nhượng bán	-	1,473,647,613	1,473,647,613
Số dư Cuối kỳ	65,750,630,035	5,871,650,844	71,622,280,879
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư Đầu kỳ	14,430,640,169	6,425,959,183	20,856,599,352
- Khấu hao trong năm	687,817,101	259,459,084	947,276,185
- Thanh lý, nhượng bán	-	1,473,647,613	1,473,647,613
Số dư Cuối kỳ	15,118,457,270	5,211,770,654	20,330,227,924

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG
VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2026

Giá trị còn lại			-
- Tại ngày Đầu kỳ	51,319,989,866	724,894,830	52,044,884,696
- Tại ngày Cuối kỳ	<u>50,632,172,765</u>	<u>659,880,190</u>	<u>51,292,052,955</u>
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng;	395,656,844	5,148,935,613	5,544,592,457

9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Nhà, Văn phòng làm việc	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư Đầu kỳ	8,092,241,500	19,555,738,511	27,647,980,011
Số dư Cuối kỳ	<u>8,092,241,500</u>	<u>19,555,738,511</u>	<u>27,647,980,011</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			-
Số dư Đầu kỳ		14,306,547,044	14,306,547,044
- Khấu hao trong năm		380,002,626	380,002,626
Số dư Cuối kỳ	-	<u>14,686,549,670</u>	<u>14,686,549,670</u>
Giá trị còn lại			-
- Tại ngày Đầu kỳ	8,092,241,500	5,249,191,467	13,341,432,967
- Tại ngày Cuối kỳ	<u>8,092,241,500</u>	<u>4,869,188,841</u>	<u>12,961,430,341</u>

10. Chi phí chờ phân bổ

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
a) Ngắn hạn		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;	411,461,124	1,183,500,002
- Chi phí thuê VP, kho bãi	228,174,051	223,335,123
- Bảo hiểm	419,981,087	438,426,597
- Chi phí trả trước khác	594,814,246	1,006,555,976
Cộng	<u>1,654,430,508</u>	<u>2,851,817,698</u>
b) Dài hạn		-
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;	3,254,520,852	2,893,980,204
- Chi phí trả trước khác	9,737,304,894	6,640,754,710
Cộng	<u>12,991,825,746</u>	<u>9,534,734,914</u>

11. Vay và nợ thuê tài chính

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Vay ngắn hạn		
+ Giá trị	89,082,333,481	87,449,061,000
+ Số có khả năng trả nợ	89,082,333,481	87,449,061,000
- Trong năm		
+ Lũy kế phát sinh tăng trong năm	89,082,333,481	280,593,245,353
+ Lũy kế phát sinh giảm trong năm	87,449,061,000	365,530,076,932

12. Phải trả người bán

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Công Ty TNHH Syngenta Việt Nam	695,639,242,829	176,804,737,381
Itochu Chemical Frontier Corporation	41,392,957,133	28,515,647,160
- Phải trả cho các đối tượng khác	86,144,829,207	46,842,129,202
Cộng	<u>823,177,029,169</u>	<u>252,162,513,743</u>

13. Phải trả về cổ tức, lợi nhuận

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Phải trả về cổ tức, lợi nhuận	10,768,806,500	9,260,787,500
Cộng	<u>10,768,806,500</u>	<u>9,260,787,500</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG
VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2026

14. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước

Phụ lục 2 trang 20

15. Chi phí phải trả

Ngắn hạn

- Chi phí phải trả chính sách bán hàng

Cộng

Cuối kỳ

Đầu kỳ

37,881,112,799

31,497,429,057

37,881,112,799

31,497,429,057

16. Phải trả khác

a) Ngắn hạn

- Kinh phí công đoàn;

- Bảo hiểm xã hội;

- Bảo hiểm y tế;

- Bảo hiểm thất nghiệp;

- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn;

- Thù lao HĐQT & BKS

- Phải trả lợi ích cho các cán bộ CNV và đối tác đồng tham gia góp vốn xây dựng khách sạn Novotel Nha Trang.

- Các khoản phải trả, phải nộp khác

Cộng

Cuối kỳ

Đầu kỳ

-

-

1,118,711,328

966,967,238

4,176,700,483

-

671,112,736

-

298,269,060

-

3,811,872,617

3,382,803,370

330,000,002

2,075,289,456

2,802,880,000

2,802,880,000

1,517,809,007

3,037,036,864

14,727,355,233

12,264,976,928

b) Dài hạn

- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn

Cộng

-

-

2,024,032,578

1,518,582,885

2,024,032,578

1,518,582,885

17. Quỹ khen thưởng phúc lợi

Số dư đầu kỳ

Trích tăng trong kỳ

- Trích tăng trong kỳ

- Tăng khác

Chi trong kỳ

- Giảm trong kỳ

- Giảm khác

Số dư cuối kỳ

Cuối kỳ

Đầu kỳ

65,902,603,547

76,429,489,983

3,408,060,768

19,239,762,564

3,276,587,768

17,843,732,564

131,473,000

1,396,030,000

7,296,712,209

29,766,649,000

7,172,446,579

29,766,649,000

124,265,630

-

62,013,952,106

65,902,603,547

18. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Xem phụ lục 3 trang 21

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

- Vốn góp của các cổ đông

Cộng

Cuối kỳ

Đầu kỳ

417,146,140,000

417,146,140,000

417,146,140,000

417,146,140,000

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ' TRỪNG
VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2026

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
<i>c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</i>		
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	417,146,140,000	417,146,140,000
+ Vốn góp Đầu kỳ	417,146,140,000	417,146,140,000
+ Vốn góp Cuối kỳ	417,146,140,000	417,146,140,000
	-	-
<i>d) Cổ phiếu</i>	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành:	41,714,614	41,714,614
+ Số lượng cổ phiếu phổ thông trước khi phát hành thêm	41,714,614	32,088,864
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng:	41,714,614	41,714,614
+ Số lượng cổ phiếu phổ thông trước khi phát hành thêm	41,714,614	32,088,864
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ):	2,000	2,000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành:	41,712,614	41,712,614
+ Số lượng cổ phiếu phổ thông trước khi phát hành thêm	41,712,614	32,088,864
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10000 VND/ cổ phần		
<i>e) Cổ tức đã trả</i>	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Cổ tức đã trả của cổ phiếu phổ thông	125,137,842,000	208,563,070,000
19. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán	Cuối kỳ	Đầu kỳ
<i>a) Tài sản nhận giữ hộ:</i>		
<i>a) Ngoại tệ các loại:</i>		
USD	17,606.11	10,289.87

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

	Kỳ này	Kỳ trước
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	770,775,980,096	634,082,845,858
- Doanh thu cung cấp dịch vụ;	199,911,143,766	185,461,443,758
- Doanh thu dịch vụ cho thuê văn phòng	2,507,212,857	3,350,532,945
Cộng	973,194,336,719	822,894,822,561
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Kỳ này	Kỳ trước
- Chiết khấu thương mại;	37,556,051,151	22,978,091,000
Cộng	37,556,051,151	22,978,091,000
3. Giá vốn hàng bán	Kỳ này	Kỳ trước
- Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán;	567,089,982,364	497,580,695,986
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp;	109,074,589,951	99,874,059,214
- Chi phí kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng;	190,001,314	190,001,312
Cộng	676,354,573,629	597,644,756,512

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG
VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2026

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7,109,698,417	9,583,984,130
- Cổ tức, lợi nhuận được chia;	1,960,310,000	
- Lãi chênh lệch tỷ giá;	208,838,194	55,697,651
- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán;	17,625,399,263	9,451,806,873
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	20,944	39,912
Cộng	26,904,266,818	19,091,528,566

5. Chi phí tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
- Lãi tiền vay;	1,244,712,057	1,003,051,251
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm;	12,100,331,802	7,146,008,265
- Lỗ chênh lệch tỷ giá;	629,633,478	1,066,966,651
- Chi phí tài chính khác;	76,736,170	
Cộng	14,051,413,507	9,216,026,167

6. Thu nhập khác

	Kỳ này	Kỳ trước
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ;	68,724,547	877,272,726
- Các khoản khác	545,439,735	1,763,791,267
Cộng	614,164,282	2,641,063,993

7. Chi phí khác

	Kỳ này	Kỳ trước
- Các khoản bị phạt;	-	13,500,000
- Các khoản khác	707,078,110	2,260,273,303
Cộng	707,078,110	2,273,773,303

8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	-	-
- Chi phí lương và chi phí khác	132,242,924,483	89,617,782,290
- Chi phí khấu hao	1,679,882,604	1,698,740,623
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	12,713,226,856	7,558,140,783
Cộng	146,636,033,943	98,874,663,696

b) Các khoản chi phí QLDN phát sinh

- Chi phí lương và chi phí khác	29,338,310,391	15,955,933,124
- Chi phí khấu hao	556,129,979	597,897,356
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	637,845,867	8,452,235,204
Cộng	30,532,286,237	25,006,065,684

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu; thành phẩm hàng hóa	676,354,573,629	596,297,581,246
- Chi phí nhân công; và chi phí khác	161,581,234,874	105,573,715,414
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2,279,686,657	2,327,112,053
- Chi phí dịch vụ mua ngoài;	13,351,072,723	16,010,375,987
Cộng	853,566,567,883	720,208,784,700

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG
VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2026

	Kỳ này	Kỳ trước
10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	9,406,669,887	5,718,318,706
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9,406,669,887	5,718,318,706
11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	75,738,096,409	70,345,891,947
Số trích các quỹ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (VND)	2,656,310,326	13,003,364,154
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	73,081,786,082	57,342,527,793
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	41,712,614	41,712,614
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1,752	1,375

12. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán Quý 2 kết thúc vào ngày 30/06/2026 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 21 tháng 07 năm 2026.



Phạm Thị Ngọc Phương
Người lập/ Kế toán trưởng
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 07 năm 2026



Trần Văn Dũng
Tổng giám đốc

Phụ lục 1

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

<i>Khoản mục</i>	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị dụng cụ quản lý</i>	<i>TSCĐ hữu hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá						
<i>Số dư Đầu kỳ</i>	335,905,513,521	31,995,511,618	151,914,182,997	7,392,395,301	11,298,759,336	538,506,362,773
- Mua trong năm	-	470,306,250	8,039,248,417	59,675,927	-	8,569,230,594
- Tặng khác	-	-	3,507,700,000	-	63,000,000	3,570,700,000
- Thanh lý, nhượng bán	-	94,775,840	741,153,091	1,021,694,000	-	1,857,622,931
- Giảm khác	-	-	-	-	342,236,835	342,236,835
<i>Số dư Cuối kỳ</i>	<u>335,905,513,521</u>	<u>32,371,042,028</u>	<u>162,719,978,323</u>	<u>6,430,377,228</u>	<u>11,019,522,501</u>	<u>548,446,433,601</u>
Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Số dư Đầu kỳ</i>	190,452,714,017	27,032,770,950	124,047,562,025	6,332,486,393	11,087,693,540	358,953,226,925
- Khấu hao trong năm	6,653,331,272	756,572,942	4,344,442,341	345,955,283	105,119,799	12,205,421,637
- Thanh lý, nhượng bán	-	94,775,840	741,153,091	1,021,694,000	-	1,857,622,931
- Giảm khác	-	-	-	-	342,236,835	342,236,835
<i>Số dư Cuối kỳ</i>	<u>197,106,045,289</u>	<u>27,694,568,052</u>	<u>127,650,851,275</u>	<u>5,656,747,676</u>	<u>10,850,576,504</u>	<u>368,958,788,796</u>
Giá trị còn lại						
- Tại ngày Đầu kỳ	145,452,799,504	4,962,740,668	27,866,620,972	1,059,908,908	211,065,796	179,553,135,848
- Tại ngày Cuối kỳ	<u>138,799,468,232</u>	<u>4,676,473,976</u>	<u>35,069,127,048</u>	<u>773,629,552</u>	<u>168,945,997</u>	<u>179,487,644,805</u>
- Nguyên giá TSCĐ Cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:	33,094,183,214	23,757,923,698	40,366,896,338	4,555,314,301	4,646,803,174	106,421,120,725

Phụ lục 2

14. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước

	Đầu kỳ		Số đã thực nộp trong năm		Cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp trong năm	Phải thu	Phải nộp	
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	-	8,358,653,844	129,592,133,151	-	5,227,884,473	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	8,663,243,235	-	-	
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	120,696,010	-	-	
Thuế TNDN	-	55,484,621,241	31,960,635,220	-	31,960,635,216	
Thuế thu nhập cá nhân	-	4,421,205,284	20,546,850,399	-	3,712,735,092	
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	15,556,200	-	-	
Thuế môi trường	-	-	313,040,257	-	-	
Thuế trúng thưởng, KTX	-	299,799,000	3,076,130,565	-	828,970,326	
Các loại thuế khác	-	309,922,515	1,207,413,565	-	1,799,116,600	
Cộng	-	68,874,201,884	222,858,924,190	-	43,529,341,707	
Các khoản thuế từ Công Ty con						
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	-	458,477,310	2,609,977,525	-	386,560,254	
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	16,594,420	107,422,654	-	9,625,163	
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-	-	
Thuế TNDN	-	1,405,937,116	1,405,937,116	-	2,538,326,967	
Thuế thu nhập cá nhân	-	89,771,700	669,131,810	-	59,102,181	
Thuế tài nguyên	-	-	-	-	-	
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	3,424,910,433	-	-	
Thuế nhà thầu	-	67,321,695	1,177,983,218	-	74,608,943	
Các loại thuế khác	-	-	-	-	-	
Cộng	-	2,038,102,241	9,395,362,756	-	3,068,223,508	



Phụ lục 3
18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ	Phản thuộc Cổ đông không kiểm soát		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 31/12/2024	417,146,140,000	(20,000,000)	214,069,992,205	21,974,704,575	901,389,019,076	51,316,496,719	1,605,876,352,574		
Lãi trong năm 2025									
Trích/ Chi quỹ HĐXH						337,129,053,469	4,765,787,466		341,894,840,935
Trích quỹ khen thưởng cho năm 2025 Hải Yển					2,372,110,146	(5,000,000,000)			(2,627,889,854)
Trích/Chi Quỹ KTPL						(1,117,499,950)	(558,749,975)		(1,676,249,925)
Chi trả cổ tức 2024 - 2025						(16,164,118,484)			(16,164,118,484)
Chia lợi nhuận từ Cty con						(208,563,070,000)			(208,563,070,000)
Trích quỹ đầu tư phát triển			1,392,351,737			-	(4,000,000,000)		(4,000,000,000)
Giảm khác						(1,392,351,737)			-
						(4,441,854)			(4,441,854)
Số dư tại ngày 31/12/2025	417,146,140,000	(20,000,000)	215,462,343,942	24,346,814,721	1,006,276,590,520	51,523,534,210	1,714,735,423,393		
Lãi trong năm 2026									
Trích/ Chi quỹ HĐXH						171,088,197,968	2,665,942,481		173,754,140,449
Trích quỹ khen thưởng cho năm 2026 Hải Yển					(234,811,200)				(234,811,200)
Trích/Chi Quỹ KTPL						(1,240,554,883)	(620,277,442)		(1,860,832,325)
Chi trả cổ tức 2025						(125,137,842,000)			-
Chia lợi nhuận từ Cty con						-	(5,000,000,000)		(125,137,842,000)
Trích quỹ đầu tư phát triển			1,333,333,333			(1,333,333,333)			(5,000,000,000)
Tăng khác									-
Giảm khác									33,206,882,500
						(4,770,653,406)			(37,977,535,906)
Số dư tại ngày 30/06/2026	417,146,140,000	(20,000,000)	183,588,794,776	57,318,886,021	1,044,882,404,865	48,569,199,249	1,751,485,424,911		

